

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-PT.

Ngày 02 - 7- 2020

V/v: *Tranh chấp lời đi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà; ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLPT- DS ngày 18/3/2020 về việc: “*tranh chấp lời đi*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2020/QĐ – PT ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Q, sinh năm 1961; bà Lưu Thị Q ủy quyền cho ông Lưu Văn V, sinh năm 1948 theo giấy ủy quyền ngày 12/6/2017 (có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- *Các đồng bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H: Luật sư Chu Văn H, Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn D, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ông Dương Văn C, sinh năm 1958 (vắng mặt);

2. Anh Dương Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt);

3. Anh Dương Văn T1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

4. Chị Dương Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Đều cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt);

7. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

8. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, Bắc Giang.

9. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, Bắc Giang.

9. Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T), huyện H, tỉnh Bắc Giang do ông Dương Duy N, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Thắng đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2020 (vắng mặt);

10. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang; do Hoàng Công B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau: *Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2017 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn (bà Lưu Thị Q) trình bày như sau:* Gia đình bà Lưu Thị Q và gia đình ông Nguyễn Văn C là hàng xóm, hai gia đình sinh sống trên hai thửa đất liền kề nhau và có đi chung qua 01 đường tiểu ngõ. Về nguồn gốc thửa đất gia đình bà đang ở hiện nay là của bố mẹ đẻ ông Dương Văn C (chồng bà) tặng cho vợ chồng bà và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, sau đó được cấp đổi năm 2007. Bà kết hôn với ông Dương Văn C năm 1981, khi bà lấy ông Dương

Văn C bà thấy ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H đã ở trên thửa đất hiện nay đang ở và ở cùng với bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn C là cụ Nh, cụ S. Khi đó gia đình bố mẹ chồng bà, gia đình bố mẹ ông Nguyễn Văn C và vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, gia đình ông Nguyễn Văn T, gia đình bà Nguyễn Thị T đều đi qua con đường tiểu ngõ mà hiện nay đang có tranh chấp để ra đường liên thôn. Về nguồn gốc đường tiểu ngõ hiện nay, bà không biết đã hình thành từ bao giờ, bà chỉ biết nó là lối đi của nhân dân để ra Chùa Ích, khi đó không có dân ở, chỉ có đồi hoang. Những năm 1960 bố mẹ chồng bà lên khai hoang lập ấp và ở liền kề con đường đó và cùng các hộ gia đình khác đi chung con đường đó, gồm hộ ông Dương Văn S (bố ông Dương Văn C). Thời còn chiến tranh Đài truyền thanh huyện H sơ tán về nên ô tô vận chuyển thiết bị của Đài vẫn đi qua con đường này, hết chiến tranh Đài truyền thanh huyện H chuyển đi, chỉ còn 03 hộ đi chung con đường cho đến nay. Con đường tiểu ngõ này trước đây hai bên đều có bờ tre, một là của gia đình bà, một là của gia đình ông T, đường đi ở giữa. Khoảng vài năm sau gia đình bà chặt tre để xây tường bao xung quanh, khi đó gia đình bà vẫn mở cổng đi ra đường tiểu ngõ chung của cả 03 nhà. Khi xây tường bao bà có chừa lại diện tích đất ở rộng 0,18m, dài hơn 5 mét nhằm mục đích làm cánh cổng lùa để khỏi ảnh hưởng đến đường đi. Năm 2014 gia đình bà xây nhà 03 tầng, bà đập tường bao và xây chồng lên móng tường cay cũ (có bốt lại 3cm), bà vẫn đi và chở nguyên vật liệu qua đoạn đường cổng liền sau nhà 3 tầng bấy giờ. Vào năm nào bà không nhớ, nhưng cách đây khoảng 20 năm ông Nguyễn Văn C nói miệng là cho ông mượn đất (là đoạn đất sau nhà 3 tầng nhà bà hiện nay) để ông Nguyễn Văn C xây trụ cổng. Đến năm 2014 khi bà làm nhà, bà bảo ông Nguyễn Văn C phá trụ cổng này đi và ông Nguyễn Văn C đã phá. Trước đây ông Nguyễn Văn C không xây đoạn tường nào trên đường tiểu ngõ và trên phần đất tranh chấp bấy giờ. Sau khi gia đình bà hoàn thiện nhà 3 tầng, năm 2016 bà vẫn mở cổng để đi ra đường tiểu ngõ chung, nhưng không hiểu sao gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H lại không cho gia đình bà mở cổng ra con đường này và tự động dùng gạch xếp bịt cổng nhà bà sau đó xây tường cay (phần xây cay nằm trên đất gia đình bà để lại). Mặc dù đã được các đoàn thể, thôn, xã, huyện đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng gia đình ông Nguyễn Văn C nhất định không cho gia đình bà mở cổng. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xem xét giải quyết để buộc gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất mà ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H đã tự chiếm để xây tường chắn cổng của gia đình bà diện tích là

0,93m² (chiều dài 5,19m, chiều rộng 0,18m); Gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H không được ngăn cản gia đình bà mở cổng đi ra đường tiểu ngõ chung của khu dân cư để đảm bảo mọi sinh hoạt cho gia đình bà. Tại phiên tòa bà Lưu Thị Q rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho gia đình bà 0,93m² đất mà ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H lấn chiếm để xây tường chắn lối đi của gia đình bà, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ tháo dỡ bức tường xây bằng cay trên phần gianh giới giữa đất của gia đình bà và đường tiểu ngõ mà ông Châu và bà Hoàn đã xây chắn lối đi của gia đình bà, bức tường có chiều dài là 2,8m, chiều cao là 2,5m để gia đình bà có lối đi như đã mở cổng từ trước khi bị gia đình ông Châu xây chắn cổng của gia đình bà lại.

Bị đơn (ông Nguyễn Văn C) trình bày: Gia đình ông và gia đình bà Lưu Thị Q, ông Dương Văn C có quan hệ là hàng xóm. Về nguồn gốc thửa đất gia đình ông đang ở hiện nay là của bố mẹ đẻ của ông để lại. Trước đây bố mẹ của ông đổi đất cho ông Hữu để lấy thửa đất hiện nay ông đang ở từ năm 1972. Khi đó bố mẹ của ông mở cổng đi ra đường liên thôn (là cổng tiểu ngõ mà hiện nay gia đình bà Lưu Thị Q đang tranh chấp). Hai bên cổng là bờ tre. Thửa đất của bố, mẹ ông một bên giáp đất nhà ông Nguyễn Văn T (vợ là Nguyễn Thị Phấn) và một bên giáp nhà cụ Dương Văn S (bố của ông C). Lúc đó gia đình ông Nguyễn Văn T mở cổng đi ra thẳng đường liên thôn, gia đình cụ Dương Văn S mở cổng đi giáp nhà anh rồi đi ra thẳng đường liên thôn. Cổng của gia đình ông mở thì chỉ có một mình gia đình ông đi ra đường liên thôn như bây giờ, không có gia đình nào đi chung. Năm 1979 ông kết hôn với bà Nguyễn Thị H, lúc đó vẫn còn hai bên bờ tre (một bên bờ tre do gia đình ông Nguyễn Văn T trồng, một bên do gia đình cụ Dương Văn S trồng), gia đình ông chỉ có cổng đi ở giữa. Từ khi gia đình ông mở cổng, gia đình chỉ đổ đất để tân cổng chứ không xây tường bao hai bên cổng. Đến năm 1989 gia đình ông làm nhà cấp 4 đang ở thì gia đình ông chỉ xây một đoạn tường gạch đến chỗ đoạn trồng cây cau như hiện nay (mốc giới đoạn tường gạch này hiện nay vẫn còn). Đến năm 2014 gia đình bà Lưu Thị Q làm nhà có nhờ gia đình ông phá đoạn tường này đi cho gia đình bà Lưu Thị Q chở nguyên vật liệu qua đằng sau để xây nhà. Sau đó gia đình bà Lưu Thị Q không xây lại cho gia đình ông nên gia đình ông mới xây lại thành đoạn tường cay như bây giờ và mới xảy ra tranh chấp. Trước đây gia đình ông và gia đình cụ Dương Văn S1 giáp ranh đất, hai bên không có tranh chấp gì cho đến khi bà Lưu Thị Q, ông Dương Văn C làm nhà 3 tầng để ở như hiện nay. Ông nhớ năm 2016 vợ chồng cụ Dương Văn S có điếm chỉ xác

nhận mốc giới đất của gia đình ông và gia đình ông Dương Văn S là bờ tường cũ xây bằng gạch từ năm 1989 vẫn còn nguyên. Gia đình ông Nguyễn Văn T mới đi nhờ cổng gia đình ông ra đường liên thôn cách đây khoảng chục năm. Nay bà Lưu Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải trả cho gia đình bà Lưu Thị Q diện tích đất 0,93m² bà Lưu Thị Q xác định gia đình ông lấn chiếm xây tường chắn và gia đình ông không được ngăn cản gia đình bà Lưu Thị Q mở cổng đi ra đường tiểu ngõ chung của khu dân cư hiện nay có gia đình ông và gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng đi lại, ông không đồng ý vì gia đình ông không hề lấn chiếm đất của gia đình bà Lưu Thị Q; đường tiểu ngõ bà Lưu Thị Q yêu cầu được mở cổng để đi lại là con đường đi (cổng) của gia đình ông, chỉ mình gia đình ông đi từ trước năm 1972 cho đến nay; trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông được cấp năm 2006 thể hiện cổng của gia đình ông giáp đất nhà cụ Dương Văn S (hiện nay là gia đình bà Lưu Thị Q, ông Dương Văn C) còn trong bản đồ đo vẽ của thôn, xã thì thể hiện đất của gia đình ông bao gồm cả đoạn cổng tiểu ngõ đang tranh chấp nên ông không đồng ý để gia đình **bà Q** mở cổng qua đường tiểu ngõ này.

Bị đơn (bà Nguyễn Thị H) trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C (chồng bà).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Dương Văn C) trình bày: Ông nhất trí với ý kiến của **bà Q**- vợ ông, ông ủy quyền cho ông Lưu Văn V thay mặt ông giải quyết vụ việc tại Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Dương Văn T1) trình bày: Anh nhất trí với ý kiến của mẹ anh (bà Lưu Thị Q), anh ủy quyền cho ông Lưu Văn V thay mặt anh giải quyết vụ việc tại Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Dương Thị T) trình bày: Chị nhất trí với ý kiến của mẹ chị (bà Lưu Thị Q), chị ủy quyền cho ông Lưu Văn V thay mặt chị giải quyết vụ việc tại Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Dương Văn T) trình bày: Anh nhất trí với ý kiến của mẹ anh (bà Lưu Thị Q), anh ủy quyền cho ông Lưu Văn V thay mặt anh giải quyết vụ việc tại Tòa án.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị L) trình bày:* Chị là con gái của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H. Chị ở cùng với bố mẹ tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang đến năm 2000 thì chị kết hôn và chuyển về nhà chồng ở thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Khi chị còn ở với bố mẹ đẻ thì chỉ có gia đình

chị đi con đường tiểu ngõ để ra đường liên thôn, sau đó có gia đình ông Nguyễn Văn T đến ở và xin bố mẹ chị cho đi nhờ con đường tiểu ngõ này. Trước đây gia đình bà Lưu Thị Q có nhờ bố mẹ chị cho mở 01 lối nhỏ trên một phần đoạn đường tiểu ngõ của gia đình chị để đi ra đường liên thôn. Sau đó gia đình bà Lưu Thị Q làm nhà 03 tầng đã xây hết cả phần lối nhỏ này đến hết đất. Chị biết trước đây gia đình bà Lưu Thị Q không có cổng riêng mà đi thẳng ra đường bê tông, không đi chung cổng với đường tiểu ngõ (cổng) của nhà bố mẹ chị. Chị xác định đoạn cổng tiểu ngõ này hiện nay gia đình bà Lưu Thị Q đang tranh chấp là cổng tiểu ngõ của bố mẹ chị có từ trước, bà Lưu Thị Q không đi chung con đường tiểu ngõ này và cũng không phải là đất của gia đình bà Lưu Thị Q. Vì vậy, bà Lưu Thị Q khởi kiện tranh chấp phần cổng của gia đình bố mẹ chị, chị không đồng ý vì đây là cổng của gia đình bố mẹ chị. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác liên quan đến thửa đất bố mẹ của chị đang ở hiện nay.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T- là con của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H):* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của các đương sự nêu trên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T. Tòa án cũng đã yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H cung cấp địa chỉ của chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T, tuy nhiên ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H có ý kiến là các con của ông, bà không liên quan gì đến vụ án nên từ chối cung cấp địa chỉ của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị T. Tòa án đã tiến hành niêm yết các giấy triệu tập, thông báo, quyết định tại địa chỉ cuối cùng của các đương sự là gia đình ông Nguyễn Văn C, trụ sở UBND xã Đức Thắng và trụ sở Tòa án nhân dân huyện H để các đương sự biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên các đương sự không đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên tòa sơ thẩm theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

- *Người đại diện của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang trình bày:* Về nguồn gốc đất của gia đình bà Lưu Thị Q ở hiện nay trước đây là của cụ Dương Văn S (bố chồng bà Lưu Thị Q) để lại và chia cho các con, trong đó có ông Dương Văn C và bà Lưu Thị Q được cụ Dương Văn S tặng cho một phần là lô đất hiện nay bà Lưu Thị Q, ông Dương Văn C đang ở và xây nhà 3 tầng. Trước đây, khi chưa xây nhà 3 tầng thì gia đình bà Lưu Thị Q ở nhà cấp 4 (hiện nay vẫn còn) và đường đi ra là đường ngõ nằm trên diện tích ngõ mà hiện nay đang tranh chấp với gia đình ông Nguyễn Văn C, nhưng bà Lưu Thị Q mở ngõ ở đoạn trên (cách trục đường

chính bê tông của thôn vào khoảng 5-6m), không phải đoạn mà ông Nguyễn Văn C xây tường như hiện nay. Gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Lưu Thị Q đều sử dụng chung đường tiểu ngõ này trong thời gian dài mà không có tranh chấp gì. Đến khoảng đầu năm 2014 gia đình bà Lưu Thị Q xây nhà 3 tầng, khi bà Lưu Thị Q xây nhà 3 tầng lên trên cả phần ngõ mà trước kia gia đình bà Lưu Thị Q vẫn đi khi ở nhà cấp 4. Khi đó bà Lưu Thị Q xây tường nhà 3 tầng đến hết đất như hiện nay bà Lưu Thị Q đang ở. Khi UBND xã hòa giải tranh chấp đất đai giữa hai gia đình, gia đình ông Nguyễn Văn C và gia đình bà Lưu Thị Q đều thừa nhận đoạn đường tiểu ngõ này không được cấp và không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Văn C và gia đình bà Lưu Thị Q. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà Lưu Thị Q năm 2007 thuộc thửa số 39 tờ bản đồ số 12 thể hiện chiều dài đất (cạnh giáp tiểu ngõ đang tranh chấp) của gia đình bà Lưu Thị Q là một đoạn đường thẳng bắt đầu từ đường bê tông kéo dài đến hết đất giáp cổng của gia đình ông Nguyễn Văn C. Việc cấp giấy chứng nhận này do gia đình bà Lưu Thị Q căn cứ vào bản đồ giải thửa năm 2004 của xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang được đo đạc, có chữ ký giáp ranh của các hộ liền kề (ông Nguyễn Văn C, bà Lưu Thị Q). Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà Lưu Thị Q là 439,5m², còn diện tích theo đo đạc thực tế năm 2016 là 422,4m². Như vậy, hiện nay gia đình bà Lưu Thị Q đang bị thiếu hụt diện tích đất so với thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2007. Còn về đoạn tường cay gia đình bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C xây đang có tranh chấp, trong biên bản làm việc của địa phương với gia đình bà Nguyễn Thị H, bà H trình bày do gia đình bà xây năm 1989 thì địa phương không nắm được vì không có căn cứ. Gia đình **bà Q** (trước đây là đất của ông Sáu) đều đi ra chung đường tiểu ngõ đang có tranh chấp hiện nay. UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang xác định bức tường cay mà gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Lưu Thị Q xây trên phần gianh giới giữa đất của gia đình bà Lưu Thị Q và đường tiểu ngõ để chắn lối đi của gia đình bà Lưu Thị Q mở ra để đi lại, bức tường này ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H xây trên đất đường tiểu ngõ do UBND xã quản lý, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ bức tường xây cay chắn lối đi của gia đình bà Lưu Thị Q, vì đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

- *Người đại diện của Ủy ban nhân dân UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang trình bày:* Theo quy định tại Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của

Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc cấp đổi giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Dương Văn C, bà Lưu Thị Q đã thực hiện đúng thủ tục pháp luật quy định. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.213,7m², gồm: Quyết định 676/QĐ-UB ngày 18/12/2000 của UBND huyện H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có danh sách các trường hợp được cấp giấy CNQSD đất kèm theo); Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn C đại diện chủ hộ gia đình kê khai; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất. Đối chiếu với quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân cho thấy: Hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp chưa đủ thành phần theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Chủ tịch UBND huyện không có cơ sở để xác định trình tự thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định, UBND huyện sẽ thực hiện theo quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Về việc quản lý đường tiểu ngõ trong khu dân cư hiện nay, theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang quy định thì việc quản lý đường tiểu ngõ trong khu dân cư thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

Kết quả đo đạc của Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành đo đạc đã xác định được tại vị trí bà Lưu Thị Q mở lối đi ra tiểu ngõ ông Nguyễn Văn C đã xây bức tường cay dài 2,8m, cao 2,5m; Hội đồng định giá tài sản đã định giá bức tường cay ông Nguyễn Văn C xây trị giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 165; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 227; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166; Điều 175; Điều 275; Điều 288; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Q;

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới tháo dỡ phần tường xây cay chắn lối đi của gia đình bà Lưu Thị Q có chiều dài 2,8m, chiều cao 2,5m, xây dựng trên phần ranh giới đất giữa đường tiểu ngõ đi chung của các hộ gia đình và đất ở của gia đình bà Lưu Thị Q (có sơ đồ kèm theo).

Về việc mở cổng của gia đình bà Lưu Thị Q để đi lại, gia đình bà Lưu Thị Q thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Q yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả lại 0,93m² đất lấn chiếm để xây tường chắn do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này tại phiên tòa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các nội dung về quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự, quyền kháng cáo của các đương sự.

Do tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C vắng mặt, ngày 20/01/2020 ông Nguyễn Văn C nhận được bản án sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/02/2020 ông Nguyễn Văn C kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm về giải quyết tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và lối đi;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, bà Lưu Thị Q không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư Chu Văn H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn C trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 51 tờ bản đồ số 12 diện tích 1213,7m² và lối đi của gia đình ông là do bố mẹ để lại từ năm 1972. Năm 2006 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 51 tờ bản đồ số 12, diện tích 1213,7m² không bao gồm diện tích lối đi mà diện tích lối đi này được sử dụng cho việc đi lại của gia đình ông và gia đình ông Nguyễn Văn T đi chung, ngoài việc sử dụng vào mục đích sử dụng làm lối đi gia đình ông và gia đình ông Nguyễn Văn T không sử dụng vào mục đích nào khác, ông không có tài liệu chứng cứ để chứng minh ông là người có quyền sử dụng đất lối đi chung do bà Lưu Thị Q đang khởi kiện. Gia đình bà Lưu Thị Q chưa bao giờ đi chung lối đi này. Lối đi chính của gia đình bà Lưu Thị Q là đường thôn mặt trước. Năm 2014 gia đình bà Lưu Thị Q làm nhà 03 tầng, có sang nhờ gia đình ông cho đỡ nhờ cát, sỏi. Sau khi làm nhà xong, bà

Lưu Thị Q vẫn đi lối đi chính là đường thôn, không đi đường tiểu ngõ. Bà Lưu Thị Q yêu cầu được mở lối đi ra đường tiểu ngõ ông không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để tiến hành lại thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Lưu Thị Q.

Ông Lưu Văn V đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị Q và bà Lưu Thị Q đều thống nhất trình bày: Nguồn gốc tiểu ngõ có từ xa xưa, không rõ từ bao giờ, mục đích của tiểu ngõ là phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân không phải của riêng ai, gia đình ông Nguyễn Văn C không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tiểu ngõ. Từ năm 1982 gia đình bà Lưu Thị Q đã đi lại qua tiểu ngõ. Năm 2016 có chính sách làm đường bê tông, Nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí còn lại 03 hộ đi chung là hộ ông Nguyễn Văn C, hộ bà Lưu Thị Q, hộ ông Nguyễn Văn T mỗi hộ đóng góp 300.000đ. Hiện tại gia đình bà Lưu Thị Q có lối đi vào nhà ở mặt đường thôn phía trước nhưng mọi sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp phải đi từ tiểu ngõ để vào khu công trình phụ phía sau, nếu không đi qua tiểu ngõ thì đường vào khu công trình phụ phía sau và việc vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp buộc phải đi qua nhà ở gây bất tiện trong sinh hoạt. Vì vậy lối đi qua tiểu ngõ mới là lối đi chính phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; thực hiện việc giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự theo đúng quy định tại Điều 285 BLTTDS; chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử quy định tại điểm c khoản 1 Điều 286 BLTTDS; thực hiện việc gửi hồ sơ vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu tham gia phiên tòa; việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người kháng cáo, người liên quan đến việc kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 290, Điều 292 BLTTDS.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:* Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm: Xét xử đúng, đủ thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử; trình tự thủ tục tại phiên tòa đúng quy định tại các Điều 297, 298, 302, 303, 305, 306 BLTTDS.

- *Về việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa:* Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các việc khác theo đúng quy định tại Điều 237 BLTTDS.

Đối với đương sự:

Nguyên đơn: Thực hiện đúng các Điều 70, 71, 234 BLTTDS quy định về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và nội quy phiên tòa.

Bị đơn: Thực hiện đúng các Điều 70, 72, 234 BLTTDS quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn và nội quy phiên tòa.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 08/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo và không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo gồm có: Ông Dương Văn C, anh Dương Văn T, anh Dương Văn T1, chị Dương Thị T, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T, đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T), huyện H, tỉnh Bắc Giang, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ý kiến của ông Nguyễn Văn C ghi tại đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020 và ý kiến của ông Nguyễn Văn C, Luật sư Chu Văn H tại phiên tòa, yêu cầu tiến hành lại thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử thấy: Tòa án nhân dân huyện Hra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 15/2017/QĐ – XXTĐTC ngày 28/8/2017, việc xem xét thẩm định tại chỗ đúng quy định, có vẽ sơ đồ thể hiện rõ tứ cận của tiểu ngõ với các hộ liền kề và lối đi từ tiểu ngõ ra đường thôn, thể hiện rõ vị trí bà Lưu Thị Q mở lối đi ra tiểu ngõ bị ông Nguyễn Văn C xây bức tường cay có chiều dài 2,8m, chiều cao 2,5m chặn lối mở cổng của bà Lưu Thị Q (bút lục 82), sơ đồ có chữ ký

của ông Nguyễn Văn C. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án sơ thẩm phù hợp với kết quả đo đạc ngày 01/9/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (bút lục 139). Các chứng cứ của vụ án đã được ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H tiếp cận tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 25/10/2017 (bút lục 109,110,111) nhưng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H không có ý kiến gì về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ kèm theo. Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Vì vậy không cần thiết xem xét thẩm định tại chỗ lại theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn C và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn C.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Q, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các bên đương sự đều thừa nhận UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/2007, cấp cho ông Dương Văn C, bà Lưu Thị Q sử dụng diện tích là 439,5m² tại thửa số 39, tờ bản đồ số 12; thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C được Nhà nước đo đạc, lập biên bản xác định ranh giới, mốc thửa đất ngày 20/7/2004 tại thửa số 51, tờ bản đồ số 12, diện tích là 1213,7m² (theo tài liệu do UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang cung cấp thì thửa đất của gia đình ông Nguyễn Văn C được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 869983, ngày 06/11/2006) hiện nay hộ gia đình bà Lưu Thị Q và gia đình ông Nguyễn Văn C vẫn đang sử dụng, sinh sống và quản lý. Quá trình làm thủ tục để Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trong quá trình sinh sống nhiều năm hai bên gia đình không phát sinh mâu thuẫn gì. Hai bên đều không có thắc mắc, khiếu nại gì đối với việc Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất hiện nay gia đình bà Lưu Thị Q và gia đình ông Nguyễn Văn C đang sử dụng. Tranh chấp chỉ phát sinh vào năm 2014 khi gia đình bà Lưu Thị Q xây dựng công trình nhà 3 tầng trên đất ở của gia đình bà Lưu Thị Q. Ông Nguyễn Văn C xác định gia đình bà Lưu Thị Q có phá đoạn tường gạch gần cổng đi của gia đình ông Nguyễn Văn C, phân cách giữa đường tiểu ngõ và đất của gia đình bà Lưu Thị Q để chở nguyên vật liệu xây nhà. Ông Nguyễn Văn C xác định đó là đoạn tường của gia đình ông Nguyễn Văn C, khi gia đình bà Lưu Thị Q xây nhà xong không xây lại, gia đình ông Nguyễn Văn C đã xây bức tường cay chắn lối đi này của gia đình bà Lưu Thị Q và xác định đường tiểu ngõ là

của gia đình ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C không đồng ý để gia đình bà Lưu Thị Q đi qua đường tiểu ngõ này nên hai gia đình đã phát sinh mâu thuẫn. Bà Lưu Thị Q đã có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho bà Lưu Thị Q diện tích đất đã lấn chiếm để xây bức tường cay chắn lối đi của gia đình **bà Q** có chiều dài 5,19m, chiều rộng 0,18m, diện tích 0,93m²; Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H không được ngăn cản gia đình bà Lưu Thị Q mở cổng đi ra đường tiểu ngõ chung. Tại phiên tòa bà Lưu Thị Q rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải trả 0,93m² đã lấn chiếm, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ bức tường cay xây chắn lối đi của gia đình **bà Q**. Ông Nguyễn Văn C xác định đường tiểu ngõ hiện nay gia đình ông Nguyễn Văn C và gia đình ông Nguyễn Văn T đi chung là đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông là không có cơ sở, bởi lẽ: Nhà nước không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lối đi cho cá nhân, hộ gia đình nào nên gia đình ông Nguyễn Văn C cũng không được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng hộ gia đình ông đối với lối đi đang có tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn C cũng thừa nhận ngoài gia đình ông Nguyễn Văn C đi lại qua tiểu ngõ thì còn có gia đình ông Nguyễn Văn T cũng đang sử dụng đi lại lối đi này, ngoài mục đích đi lại các hộ gia đình đi qua tiểu ngõ không sử dụng diện tích ngõ vào mục đích nào khác. UBND xã Đ cũng xác định đoạn đường tiểu ngõ trên là đường tiểu ngõ đi chung của các hộ gia đình: Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, bà Lưu Thị Q. UBND huyện H xác định các đường tiểu ngõ là do UBND cấp xã quản lý nên đường tiểu ngõ đang có tranh chấp giữa bà Lưu Thị Q và gia đình ông Nguyễn Văn C thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Ngày 02/9/2014 UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang có văn bản số 67/CV-UBND trả lời đơn đề nghị của bà Lưu Thị Q cũng khẳng định đường tiểu ngõ đang có tranh chấp là đường tiểu ngõ đi chung của các hộ gia đình và giao cho thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang đơn đốc các hộ gia đình thực hiện, quản lý và sử dụng đoạn đường tiểu ngõ trên vào mục đích giao thông; đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ bức tường cay xây chắn lối đi của gia đình bà Lưu Thị Q. Như vậy, việc gia đình ông Nguyễn Văn C xây bức tường cay đo trên thực tế có chiều dài 2,8m, chiều cao 2,5m trên gianh giới đất của gia đình **bà Q** và đường tiểu ngõ là trái quy định tại Điều 175,176 Bộ luật dân sự, khoản 10 Điều 12 Luật đất đai, ảnh hưởng trực tiếp đến

quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Lưu Thị Q. Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ bức tường cay xây chắn lối ra vào tiểu ngõ của gia đình bà Lưu Thị Q là phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với việc gia đình bà Lưu Thị Q mở cổng đi qua đường tiểu ngõ đi chung giữa các gia đình ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, gia đình bà Lưu Thị Q thực hiện theo quy định tại Điều 245 Bộ luật dân sự.

[2] Nội dung ông Nguyễn Văn C kháng cáo Bản án sơ thẩm về giải quyết đối với diện 0,93m² đất bà Lưu Thị Q khởi kiện chưa hợp lý. Hội đồng xét xử thấy: Bà Lưu Thị Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả 0,93m² đất do lấn chiếm, tại phiên tòa sơ thẩm bà Lưu Thị Q rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Châu, bà Hoàn phải trả diện tích đất ở 0,93m² đã lấn chiếm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 70, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Lưu Thị Q là đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí: Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên ông được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Bà Lưu Thị Q tự nguyện chịu và không yêu cầu giải quyết, Bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 296, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 165 Điều; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 169; Điều 175; Điều 176; Điều Điều 254; Điều 275; Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 10 Điều 12; khoản 5, khoản 7 Điều 166; khoản 1 Điều 170 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Q;

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới tháo dỡ phần tường xây cay chắn lối đi của gia đình bà Lưu Thị Q ra đường tiểu ngõ có chiều dài 2,8m, chiều cao 2,5m, xây dựng trên phần gianh giới đất giữa đường tiểu ngõ đi chung của các hộ gia đình và đất ở của gia đình bà Lưu Thị Q (Có sơ đồ kèm theo).

Về việc mở công của gia đình bà Lưu Thị Q để đi lại, gia đình bà Lưu Thị Q thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Q yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả lại 0,93m² đất lấn chiếm.

Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H.

Hoàn trả bà Lưu Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001580 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thọ